

Số: **3576**/UBND-KT

Bình Định, ngày **12** tháng 7 năm 2017

V/v xây dựng Phương án giá
sản phẩm, dịch vụ thủy lợi
trên địa bàn tỉnh Bình Định

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và PTNT

Thực hiện Văn bản số 2906/BNN-TCTL ngày 07/4/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc xây dựng phương án giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi; UBND tỉnh Bình Định báo cáo như sau:

I. Khối lượng thực hiện nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi từ năm 2014 đến năm 2016:

1. Khối lượng thực hiện:

Đơn vị tính: ha

TT	Nội dung thực hiện	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
1	Tưới, tiêu lúa	99.722	100.519	100.751
2	Tưới rau màu	8.117	9.830	10.959
3	Cấp nước nuôi trồng thủy sản	351	420	326
4	Diện tích làm muối	107	110	113
	Tổng cộng	108.297	110.879	112.149

2. Doanh thu:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung thực hiện	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
I	Nhiệm vụ công ích	117.284	120.451	118.372
1	Tưới, tiêu lúa	108.007	109.190	112.284
2	Tưới rau màu	8.785	10.683	5.027
3	Cấp nước nuôi trồng thủy sản	375	458	827
4	Diện tích làm muối	117	120	234
	Trong đó, Công ty TNHH Khai thác CTTL	45.157	46.898	45.394
II	Hoạt động khai thác tổng hợp	6.154	8.123	6.566
1	Cấp nước công nghiệp	1.642	1.723	110
2	Cấp nước cho phát điện	4.488	6.355	6.238
3	Các dịch vụ khác	24	45	218
	Tổng cộng I+II	123.438	128.574	124.938

Ghi chú: Hoạt động khai thác tổng hợp chỉ thực hiện đối với các công trình do Công ty TNHH Khai thác CTTL quản lý, các công trình do các huyện, thị xã, thành phố quản lý không có nội dung này.

3. Chi phí hoạt động quản lý, khai thác công trình thủy lợi:

- Tổng chi phí hoạt động của Công ty TNHH Khai thác CTTL phục vụ cho từ năm 2014 đến năm 2016 là 156.668,682 triệu đồng, bao gồm: (i) quản lý vận hành 82.634,989 triệu đồng, (chiếm 52% tổng chi phí); (ii) sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn, đầu tư nâng cấp 58.002,381 triệu đồng, (chiếm 37%); (iii) quản lý doanh nghiệp 7.775,505 triệu đồng, (chiếm 5%); (iv) hoạt động kinh doanh khai thác tổng hợp (ngoài công ích) 8.255,807 triệu đồng, (chiếm 6%).
Thể hiện chi tiết tại phụ lục kèm theo.

- Tổng chi phí hoạt động của các huyện, thị xã, thành phố từ năm 2014 đến năm 2016 là 220.282 triệu đồng, bao gồm: (i) chi phí quản lý vận hành chiếm khoảng 40% tổng chi phí; (ii) chi phí sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn, đầu tư nâng cấp chiếm khoảng 60% tổng chi phí.

II. Đề xuất chính sách khi thực hiện giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi phục vụ công ích

- Về đối tượng hỗ trợ: Miễn thủy lợi phí đối với: (i) đất nông nghiệp phục vụ nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm; (ii) đất trồng cây hàng năm; (iii) đất làm muối; (iv) đất nuôi trồng thủy sản.

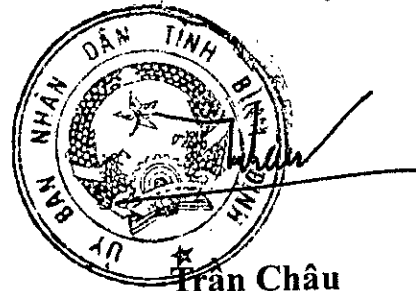
- Về mức hỗ trợ: Theo Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi.

UBND tỉnh Bình Định kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT xem xét, tổng hợp./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng cục Thủy lợi;
- CT, PCT Trần Châu;
- Sở NN&PTNT, TC;
- PVP NN;
- Lưu: VT, K10. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**





PHỤ LỤC

Hoạt động quản lý, khai thác công trình thủy lợi của Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định từ năm 2014÷ 2016

(Kèm theo Văn bản số **3516/UBND-KT** ngày **12/7/2017** của UBND tỉnh Bình Định)

1. Nhóm chi phí quản lý vận hành: 82.634,989 triệu đồng.

- Chi phí tiền lương, phụ cấp lương và các khoản phải nộp theo lương cho quản lý vận hành (gồm BHXH, YT, CĐ do Công ty trả cho người lao động): **73.684,718 triệu đồng**. Trong đó: Năm 2014: 23.946,843 triệu đồng; Năm 2015: 24.612,593 triệu đồng; Năm 2016: 25.125,282 triệu đồng. Bình quân chi phí 24.561 triệu đồng/năm.

- Chi phí tiền điện bơm nước tưới, tiêu: **1.275,438 triệu đồng**. Trong đó: Năm 2014: 403,356 triệu đồng; Năm 2015: 477,671 triệu đồng; Năm 2016: 394,411 triệu đồng. Bình quân chi phí 425 triệu đồng/năm.

- Chi phí nguyên, nhiên, vật liệu để vận hành, bảo dưỡng công trình, máy móc thiết bị dùng cho dịch vụ tưới nước và tiêu nước: **1.255,346 triệu đồng**. Trong đó: Năm 2014: 250,790 triệu đồng; Năm 2015: 399,331 triệu đồng; Năm 2016: 605,225 triệu đồng. Bình quân chi phí 418 triệu đồng/năm.

- Chi phí phục vụ phòng chống bão lụt, ứng hạn: **2.138,474 triệu đồng**. Trong đó: Năm 2014: 527,593 triệu đồng; Năm 2015: 204,286 triệu đồng; Năm 2016: 1.406,595 triệu đồng. Bình quân chi phí 713 triệu đồng/năm.

- Chi phí đào tạo, nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ mới xây dựng chỉ tiêu định mức kinh tế kỹ thuật: **1.221,012 triệu đồng**. Trong đó: Năm 2014: 331,513 triệu đồng; Năm 2015: 396,496 triệu đồng; Năm 2016: 493,003 triệu đồng. Bình quân chi phí 407 triệu đồng/năm.

- Chi phí cho công tác bảo hộ, an toàn lao động và bảo vệ công trình thủy lợi: **1.184,101 triệu đồng**. Trong đó: Năm 2014: 363,915 triệu đồng; Năm 2015: 399,257 triệu đồng; Năm 2016: 420,929 triệu đồng. Bình quân chi phí 394 triệu đồng/năm.

- Chi phí dự phòng: Nợ phải thu khó đòi: **1.875,900 triệu đồng**. Trong đó: Năm 2014: 405,0 triệu đồng; Năm 2015: 631,0 triệu đồng; Năm 2016: 839,900 triệu đồng.

2. Chi phí sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn, đầu tư nâng cấp phục vụ cho 58.002,381 ha.

- Chi sửa chữa thường xuyên tài sản cố định, công trình thủy lợi: **44.852,381 triệu đồng**. Trong đó: Năm 2014: 20.978,905 triệu đồng; Năm 2015: 10.779,360 triệu đồng; Năm 2016: 13.094,116 triệu đồng. Bình quân 14.951 triệu đồng/năm.

- Nâng cấp công trình thủy lợi từng dự án đầu tư đáp ứng tần suất bảo đảm tưới tiêu (nguồn ngân sách trung ương và địa phương cấp thông qua các dự án đầu tư): **13.150 triệu đồng**; trong đó:

+ Dự án Kênh tiêu 3 huyện An Nhơn, Tuy Phước, Phù Cát: 4.100 triệu đồng;

+ Dự án kiên cố Kênh N2 – Núi Một: 5.150 triệu đồng;

+ Sửa chữa công trình đập dâng Đập Cát: 1.400 triệu đồng

VB

+ Kiên cố hệ thống tuyến kênh N1-2C thuộc Hệ thống tưới Cây Gai: 2.500 triệu đồng.

3. Chi phí quản lý doanh nghiệp: 7.775,505 triệu đồng

- Chi phí bằng tiền khác: 7.649,425 triệu đồng. Trong đó: Năm 2014: 2.287,031 triệu đồng. Năm 2015: 2.289,391 triệu đồng. Năm 2016: 3.073,003 triệu đồng. Bình quân 2.592 triệu đồng/năm

- Thuế, phí và lệ phí: 126,080 triệu đồng.

4. Chi phí thực hiện hoạt động kinh doanh khai thác tổng hợp (ngoài công ích): 8.255,807 triệu đồng.

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, nhiên liệu, năng lượng trực tiếp: 3.284,550 triệu đồng; bình quân chi phí 1.095 triệu đồng/năm.

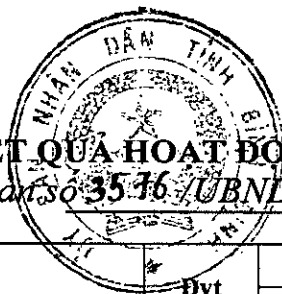
- Chi phí nhân công trực tiếp: 3.485,042 triệu đồng; bình quân chi phí 1.162 triệu đồng/năm.

- Chi phí khấu hao máy móc thiết bị trực tiếp: 44,347 triệu đồng; bình quân chi phí 15 triệu đồng/năm.

- Chi phí sản xuất chung: 109,985 triệu đồng; bình quân chi phí 37 triệu đồng/năm.

- Chi phí quản lý: 1.331,883 triệu đồng; bình quân chi phí 444 triệu đồng/năm.





BẢNG 1. TỔNG HỢP KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI
(Kèm theo Văn bản số **3536/UBND-KT** ngày **12/7/2017** của UBND tỉnh Bình Định)

TT	Chỉ tiêu	Đvt	2014		2015		2016	
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện
I	Kết quả thực hiện nhiệm vụ công ích		111.495,87	108.296,90	113.414,02	110.879,48	114.334,07	112.149,30
1	Trồng lúa	ha	102.667,80	99.722,12	102.816,42	100.518,71	103.116,48	100.751,05
2	Rau màu	ha	8.356,43	8.116,67	10.054,52	9.829,82	10.671,85	10.959,43
3	Làm muối	ha	109,94	106,79	113,00	110,47	113,00	113,00
4	Các nhiệm vụ khác (cấp nước thủy sản)	ha	361,70	351,32	430,08	420,47	432,74	325,83
II	Hoạt động khai thác tổng hợp (Công ty TNHH KTCT thủy lợi Bình Định)		6.427,00	6.154,39	8.124,00	8.123,86	7.150,00	6.566,52
1	Cấp nước công nghiệp, tiểu công nghiệp	tr.đ	1.600,00	1.642,52	1.724,00	1.723,21	1.650,00	110,00
2	Tiêu nước cho khu công nghiệp, khu chế xuất	tr.đ						
3	Cấp nước cho nhà máy nước sinh hoạt, chăn nuôi	tr.đ						
4	Cấp nước tưới cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa, dược liệu	tr.đ						
5	Cấp nước cho phát điện	tr.đ	4.800,00	4.488,35	6.355,00	6.355,34	5.500,00	6.238,15
6	Kinh doanh, du lịch và các hoạt động vui chơi giải trí	tr.đ						
7	Cấp nước nuôi, trồng thủy sản trong các hồ chứa thủy lợi	tr.đ						
8	Dịch vụ giao thông (thuyền bè, sà lan qua âu thuyền, cống của công trình thủy lợi)	tr.đ						
9	Các dịch vụ khác	tr.đ	27,00	23,52	45,00	45,31		218,37

Số liệu tại phần I - Kết quả thực hiện nhiệm vụ công ích được tổng hợp từ Hồ sơ dự toán kinh phí miễn thủy lợi phí của UBND tỉnh làm việc với Bộ Tài chính để xác định mức kinh phí cấp bù thủy lợi phí tại tỉnh Bình Định các năm 2014, 2015, 2016. Riêng số liệu năm 2016 được tổng hợp từ Bảng quyết toán diện tích và kinh phí miễn thủy lợi phí toàn tỉnh Bình Định năm 2016 do Liên ngành Sở Tài chính và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.



BẢNG 2. DOANH THU TỪ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI
(Kèm theo Văn bản số 3516/UBND-KT ngày 12/7/2017 của UBND tỉnh Bình Định)

TT	Chỉ tiêu	2014		2015		2016	
		Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện
I	Doanh thu từ thực hiện nhiệm vụ công ích	123.544,00	117.297,00	123.858,99	120.439,00	124.673,73	118.371,60
1	Trồng lúa	113.759,32	108.007,08	117.725,58	109.190,00	118.154,08	112.283,74
2	Rau màu	9.253,45	8.785,55	4.816,79	10.682,94	5.190,14	5.026,86
3	Cây hàng năm						
4	Làm muối	123,54	117,30	233,91	120,44	233,91	233,91
5	Các nhiệm vụ khác (thủy sản)	395,34	375,35	1.082,71	457,67	1.095,60	827,09
II	Hoạt động khai thác tổng hợp (Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định)	6.427,00	6.154,39	8.124,00	8.123,86	7.150,00	6.566,52
1	Cấp nước công nghiệp, tiểu công nghiệp	1.600,00	1.642,52	1.724,00	1.723,21	1.650,00	110,00
2	Tiêu nước cho khu công nghiệp, khu chế xuất						
3	Cấp nước cho nhà máy nước sinh hoạt, chăn nuôi						
4	Cấp nước tưới cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa, dược liệu						
5	Cấp nước cho phát điện	4.800,00	4.488,35	6.355,00	6.355,34	5.500,00	6.238,15
6	Kinh doanh, du lịch và các hoạt động vui chơi giải trí						
7	Cấp nước nuôi, trồng thủy sản trong các hồ chứa thủy lợi						
8	Dịch vụ giao thông (thuyền bè, sà lan qua âu thuyền, cống của công trình thủy lợi)						
9	Các dịch vụ khác	27,00	23,52	45,00	45,31	0,00	218,37
	Tổng cộng (I+II)	129.971,00	123.451,39	131.982,99	128.562,86	131.823,73	124.938,12

Số liệu tại phần I - Kết quả thực hiện nhiệm vụ công ích được tổng hợp từ Hồ sơ dự toán kinh phí miễn thủy lợi phí của UBND tỉnh làm việc với Bộ Tài chính để xác định mức kinh phí cấp bù thủy lợi phí tại tỉnh Bình Định các năm 2014, 2015, 2016. Riêng số liệu thực hiện năm 2016 được tổng hợp từ Bảng quyết toán diện tích và kinh phí miễn thủy lợi phí toàn tỉnh Bình Định năm 2016 do Liên ngành Sở Tài chính và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp.

VL 4